

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 29/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:

1. Ông Thái Quang Định.
2. Bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Văn T, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1998 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 1, khu M, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Trương Thị S; vợ, con: chưa có; tiền án: ngày 29/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 48 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, ngày 12/11/2020 chấp hành án xong và ngày 22/7/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 17/6/2023 chấp hành án xong; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

2. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: tổ 5, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ông Trần Danh M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 4, khu 10, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 08/02/2024, tại tổ 10, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Công an thành phố Uông Bí phát hiện, bắt quả tang Đặng Văn T có hành vi cất giấu trái phép 0,103 gam chất ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, bên trong lắp sim số 0931.461.800; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 màu sơn đỏ, biển số 14A.619.90.

Quá trình điều tra, Đặng Văn T thành khẩn khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 08/02/2024, T đang ở nhà thì có nhu cầu sử dụng ma túy loại đá, T một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5, gắn biển số 14A.619.90 đến khu vực xã B, thành phố H tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi T gặp một người đàn ông hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, người này nhận tiền rồi đưa 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu đỏ, bên trong có 01 túi nilon màu trắng, T cầm cất giấu vào túi quần phía trước bên phải rồi điều khiển xe đi về nhà. Khi đi đến khu vực tổ 10, khu 1, phường V, thành phố U thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 252/KLGD ngày 16/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,103 gam (không phải một không ba gam).

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D, ông Trần Danh M và chị Đoàn Thị Thanh H đều có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Tại Cáo trạng số 422/CT - VKSUB ngày 07/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn T có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Đặng Văn T như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/8/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 252/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại bị cáo Đặng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số: 0931.461.800, đã qua sử dụng

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận giám định ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 08/02/2024, tại tổ 10, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Đặng Văn T có hành vi tàng trữ **0,103 gam** (không phải một không ba gam) ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ngày 29/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 48 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, ngày 12/11/2020 chấp hành án xong và ngày 22/7/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 17/6/2023 chấp hành án xong, bị cáo đã “tái phạm”, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Về tính chất, mức độ phạm tội bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để bị cáo rèn luyện, giáo dục và sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng (năm triệu đồng) đến 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang chấp hành hình phạt nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số: 252/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám

định là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số: 0931.461.800 thu giữ của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo.

01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 màu đỏ, biển số 14A-619.90, quá trình xác minh chị Đoàn Thị Thanh H là chủ sở hữu, chị H không biết T mượn xe sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với người bán ma túy cho Đặng Văn T hiện không rõ lai lịch, địa chỉ, nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 08 tháng 02 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định số 252/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại bị cáo Đặng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số: 0931.461.800, đã qua sử dụng

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí;
- CQCSĐT Công an thành phố Uông Bí;
- CQTHAHS Công an thành phố Uông Bí;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ -
Công an thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải

